

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 86/2022/DS-PT  
Ngày 11-7-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tặng  
cho quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Th1 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Quốc Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Văn Luông

Ông Võ Thái Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 và 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2022/QĐPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 68/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Cháu Trịnh Quốc Th, sinh ngày 25/8/2002.

1.2. Cháu Trịnh Minh Th1. Sinh ngày 06/8/2008

Người đại diện hợp pháp của cháu Trịnh Quốc Th và Trịnh Minh Th1 là bà Nguyễn Thị Thu P (mẹ ruột - Sống chung với Th và Th1).

Cùng địa chỉ: Số 6/9 Ngô Hữu H, phường A, quận Ninh K, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh V.

Địa chỉ: Số 202 đường Trần Ph, phường Cái K1, quận Ninh K, Thành phố Cần Thơ, có mặt.

2. Bị đơn ông Trịnh Minh T1.

Địa chỉ: Số 58 đường Nguyễn An N, phường 4, Thành phố V1, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thu P và ông Trịnh Minh T1 là vợ chồng, đến ngày 17/8/2015 thì thuận tình ly hôn theo quyết định số 183/2015/QĐ-ST-HN ngày 17/8/2015 của Tòa án nhân dân quận Ninh K, Thành phố Cần Thơ.

Sau khi bà P và ông T1 ly hôn, hai bên tự thỏa thuận phân chia tài sản. Ngày 26/9/2015 ông T1 có lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho hai con chung. Cụ thể: Tặng con trai lớn Trịnh Quốc Th (sinh năm 2002) quyền sử dụng đất có diện tích 678m<sup>2</sup> thửa đất số 895, tờ bản đồ số 10 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00188 do UBND huyện Vị Th2 cấp ngày 24/8/2011 tọa lạc tại ấp 3, xã Vị Th2, huyện Vị Th2, tỉnh Hậu Giang và quyền sử dụng đất có diện tích 103.5m<sup>2</sup> thửa đất số 128, tờ bản đồ số 02, tọa lạc khu vực 4, phường 4, Thành phố V1, tỉnh Hậu Giang thuộc GCNQSDĐ số 00347 do UBND huyện V1 cấp ngày 01/7/1997. Tuy nhiên, đất ở Vị Th2 đã bị thu hồi một phần, đất ở V1 khi mua là mua giấy tay, hiện bên mua chưa làm thủ tục sang tên cho ông T1. Sau đó, bà P, ông T1 và Th thỏa thuận lại sẽ giao cho Th 300.000.000đồng thay cho hai phần đất ở V1 và Vị Th2.

Tặng cho con trai nhỏ là Trịnh Minh Th1 (sinh năm 2008) quyền sử dụng đất có diện tích 309m<sup>2</sup> thửa 2182 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Thị T2, thị trấn Một Ng, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang thuộc GCNQSDĐ số H00351 do UBND huyện Châu T, cấp ngày 22/10/2007.

Các hợp đồng tặng cho thể hiện: *“Hiện tại, bên nhận tặng cho chưa đủ điều kiện để đăng ký đứng tên chủ sở hữu tài sản. Do đó, đến khi bên nhận tặng cho đủ điều kiện để nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản riêng thì bên nhận tặng cho phải có trách nhiệm, nghĩa vụ đi thực hiện công việc trên”*.

Bà P cho rằng, sau khi ly hôn ông T1 không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, quản lý tài sản của con chung không hợp lý, có dấu hiệu chiếm đoạt. Vì vậy, bà P yêu cầu ông T1 phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất để giao cho các con là Trịnh Quốc Th, Trịnh Minh Th1 mà bà là người giám hộ.

Đến ngày 25/10/2021, ông T1 đã giao 300.000.000đồng cho Quốc Th, bà P rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thực hiện hợp đồng tặng cho các phần đất cho Quốc Th. Bà P chỉ yêu cầu ông T1 thực hiện thủ tục tặng cho phần đất ở ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ng, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang cho Trịnh Minh Th1, trường hợp đất bị thu hồi thì yêu cầu ông T1 giao cho Minh Th1 số tiền bồi thường và suất tái định cư (nếu có) cho Th1 mà bà là người giám hộ.

*Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trịnh Minh T1 trình bày:* Ông có lập hợp đồng tặng cho các con ông là Trịnh Minh Th1 và Trịnh Quốc Th phần đất như nguyên đơn trình bày: Đối với phần đất tặng cho Trịnh Quốc Th, các bên thỏa thuận quy ra giá trị là 300.000.000đồng. Ngày 25/10/2021 ông đã giao đủ số tiền 300.000.000đồng cho Th, do Th đã đủ 18 tuổi. Đối với phần đất ông tặng cho Trịnh Minh Th1 như nguyên đơn trình bày thì phần đất này đã bị thu hồi và bồi thường với số tiền là 257.710.800đồng. Tuy nhiên, ông thỏa thuận khi nào Th1 đủ 18 tuổi mới thực hiện tặng cho. Hiện nay, phần đất đã bị thu hồi và Th1 chưa đủ 18

tuổi. Ông xác định khi nào Th1 18 tuổi ông sẽ giao cho Th1 số tiền tương đương giá trị hay mua cho Th1 phần đất khác tương đương phần đất đã bị thu hồi. Ông không đồng ý giao tiền bồi thường cho Th1 khi Th1 chưa đủ 18 tuổi.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Quốc Th trình bày như sau:*  
Yêu cầu ông T1 giao 300.000.000đồng cho Th. Ngày 25/10/2021 ông T1 đã giao 300.000.000đồng nên không yêu cầu gì trong vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Minh Th1 trình bày như sau:*  
Thống nhất cho mẹ là Nguyễn Thị Thu P khởi kiện ông Trịnh Minh T1 để yêu cầu ông T1 thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã ký với Th1 vào ngày 26/9/2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông T1 tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất Trịnh Quốc Th, giữ nguyên yêu cầu ông T1 thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất Trịnh Minh Th1, nếu đất đã bị thu hồi thì phải giao cho Th1 một phần đất tương đương và bà Nguyễn Thị Thu P là người giám hộ quản lý.

Tại bản án sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P yêu cầu ông Trịnh Minh T1 tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Trịnh Minh Th1 theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng ngày 26/9/2015 bằng một phần đất khác tương đương đất đã bị thu hồi.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu P về việc buộc ông Trịnh Minh T1 thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Trịnh Quốc Th theo hợp đồng tặng cho được công chứng ngày 26/9/2015 và văn bản thỏa thuận được công chứng ngày 02/10/2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, bà Nguyễn Thị Thu P (người đại diện hợp pháp của Trịnh Minh Th1) có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Trịnh Minh T1 phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/9/2015, giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 309m<sup>2</sup> thửa 2182 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang thuộc GCNQSDĐ số H00351 do UBND huyện Châu T, cấp ngày 22/10/2007. Trường hợp đã bị nhà nước thu hồi thì ông T1 phải giao tiền bồi thường hoặc phần đất tương đương diện tích, tương đương giá trị của phần đất đã bị thu hồi cho Trịnh Minh Th1 (do bà đứng ra quản lý).

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu P trình bày: Nguyên đơn cháu Trịnh Minh Th1 có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thu P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời xác định Bà Nguyễn Thị Thu P tham gia tố tụng với tư cách đại diện hợp pháp cho người khởi kiện chưa Th1 niên Trịnh Minh Th1 và Trịnh Quốc Th.

Bị đơn ông Trịnh Minh T1 trình bày: Ông chỉ thống nhất giao số tiền bồi thường thu hồi đất là 257.710.800 đồng cho cháu Trịnh Minh Th1 khi cháu Th1 đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã T1 hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn thống nhất giao số tiền bồi thường bị thu hồi phần đất bị đơn đã lập hợp đồng tặng cho Trịnh Minh Th1 khi cháu Th1 đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Theo hồ sơ và nội dung vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn khởi kiện với tư cách là người đại diện hợp pháp cho Trịnh Minh Th1 và Trịnh Quốc Th. Do vậy, cần xác định tư cách của bà Nguyễn Thị Thu P là người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện chưa Th1 niên Trịnh Minh Th1 và Trịnh Quốc Th mới phù hợp. Đồng thời, xác định Trịnh Minh Th1 và Trịnh Quốc Th không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm, điều chỉnh lại phần này, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được giao kết ngày 26/9/2015 trước ngày bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 “Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này” nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự 2015 giải quyết là phù hợp.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu P (người đại diện hợp pháp của người khởi kiện chưa Th1 niên cháu Trịnh Minh Th1), Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Về tố tụng: Bà P cho rằng, tại phiên tòa ngày 16/11/2021, phía bị đơn ông Trịnh Minh T1 vắng mặt nên yêu cầu hoãn phiên tòa vì cần triệu tập ông T1 để làm rõ một số vấn đề nhưng không được chấp nhận nên việc giải quyết không khách quan, công bằng. Tuy nhiên, theo hồ sơ thể hiện, ông Trịnh Minh T1 đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 25/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng đã có cung cấp ý kiến liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Phiên tòa ngày 16/11/2021 là phiên tòa xét xử mở lần hai. Do vậy, Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông T1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[5.2] Về yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Trịnh Minh Th1. Xét thấy: Đây là hợp đồng tặng cho đã được công chứng, chứng

thực đúng quy định tại khoản 1 Điều 459 Bộ luật dân sự 2015, Điểm a Khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013 nên đảm bảo về mặt hình thức của hợp đồng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 459 bộ luật dân sự 2015 “*Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký; nếu bất động sản không phải đăng ký quyền sở hữu thì hợp đồng tặng cho có hiệu lực kể từ thời điểm chuyển giao tài sản*”, tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 quy định “*Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính*”. Như vậy, việc ông Trịnh Minh T1 tặng cho con Trịnh Minh Th1 quyền sử dụng đất diện tích 309m<sup>2</sup> thửa 2182 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Thị Tứ, thị Trấn Một Ngàn, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang thuộc GCNQSDĐ số H00351 do UBND huyện Châu T, cấp ngày 22/10/2007 mới chỉ hoàn Th1 về hình thức và thủ tục ký kết hợp đồng tặng cho có công chứng, chứng thực theo đúng quy định, nhưng do chưa thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng theo quy định nên hợp đồng chưa có hiệu lực. Ngoài ra, các bên vẫn chưa chuyển giao tài sản trên thực tế.

Bên cạnh đó, Về chủ thể giao kết hợp đồng: Theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Bộ luật dân sự 2015 thì “*Người từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý*”. Th1 chưa đủ 15 tuổi nên không thể tự mình giao dịch bất động sản được, cần phải có người đại diện theo pháp luật xác lập thực hiện giao dịch. Do vậy, trường hợp này cần phải có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Thu P ký tên trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với tư cách đại diện hợp pháp cho Trịnh Minh Th1 mới đúng quy định.

Mặt khác, theo Điều 8 của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T1 và con Trịnh Minh Th1 thể hiện “*Hiện tại, bên nhận tặng cho chưa đủ điều kiện để đăng ký đứng tên chủ sở hữu tài sản. Do đó, đến khi bên nhận tặng cho đủ điều kiện để nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản riêng thì bên nhận tặng cho phải có trách nhiệm, nghĩa vụ đi thực hiện công việc trên*”. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà P (là người đại diện hợp pháp của Trịnh Minh Th1) và ông T1 đều thừa nhận thỏa thuận này có ý nghĩa là khi nào các con chung đủ 18 tuổi, tự đi đăng ký quyền sử dụng đất thì hai bên sẽ T1 hành thủ tục sang tên, chuyển quyền sử dụng đất, nghĩa là hướng đến điều kiện về độ tuổi của người nhận tặng cho, tức là khi Th1 đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận và thể hiện ý chí của các bên. Hiện tại Th1 chưa đủ 18 tuổi. Mặc dù pháp luật đất đai hiện hành không quy định về độ tuổi đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 21 Bộ luật dân sự 2015 thì người chưa đủ 18 tuổi đều không thể tự mình giao dịch bất động sản được, cần phải có người đại diện hợp pháp xác lập, thực hiện giao dịch. Nên khi Th1 đủ 18 tuổi thì lúc đó Th1 sẽ có toàn quyền của người sử dụng đất theo quy định pháp luật và được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với ý chí của các bên khi lập hợp đồng tặng cho có điều kiện.

Về đối tượng của hợp đồng tặng cho: Hiện tại phần đất theo hợp đồng tặng cho giữa ông Trịnh Minh T1 và cháu Trịnh Minh Th1 được công chứng ngày

26/9/2015 đã bị thu hồi và bồi thường, hỗ trợ về đất số tiền là 257.710.800đồng, do ông Trịnh Minh T1 đang giữ. Do đó, đối tượng của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã bị chuyển hóa Th1 tiền nên yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của nguyên đơn là không thể thực hiện được nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy, số tiền được bồi thường, hỗ trợ là giá trị thực tế của phần đất mà hai bên thực hiện việc tặng cho có điều kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không đồng ý thực hiện hợp đồng vì cháu Th1 chưa đủ 18 tuổi nhưng đồng ý gửi tiết kiệm số tiền này đến khi Th1 đủ 18 tuổi sẽ chuyển giao cho cháu Th1. Đây là sự tự nguyện của bị đơn, không vi phạm điều cấm, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được xem xét, chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, để giải quyết triệt để vụ án, nhằm bảo vệ quyền lợi cho cháu Trịnh Minh Th1, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Trịnh Minh T1 tại phiên tòa phúc thẩm. Theo đó, ông T1 có trách nhiệm gửi tiết kiệm và quản lý đối với số tiền được nhận bồi thường của phần đất theo hợp đồng tặng cho Trịnh Minh Th1 đã bị thu hồi, tiền lãi phát sinh (nếu có) và có nghĩa vụ chuyển giao lại cho cháu Th1 khi Th1 đủ 18 tuổi. Tiền giao gồm tiền gốc 257.710.800đồng và lãi suất (nếu có).

Đối với các vấn đề khác trong vụ án, các đương sự không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật.

[6] Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

[7] Về án phí dân sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu P khởi kiện với tư cách người đại diện hợp pháp của Trịnh Minh Th1 là người chưa Th1 niên, chưa đủ 16 tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Trịnh Minh Th1 là Trẻ em thuộc đối tượng được miễn tạm ứng án phí, án phí nhưng không có đơn đề nghị miễn theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết 326 nên vẫn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 148, điểm b khoản 1 Điều 189, Điều 244, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 21, Điều 459, Điều 462 Bộ luật dân sự 2015;

Điểm a Khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn cháu Trịnh Minh Th1 có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thu P. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cháu Trịnh Minh Th1 có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thu P về việc yêu cầu ông Trịnh Minh T1 tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Trịnh Minh Th1 theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng ngày 26/9/2015 bằng một phần đất khác tương đương đất đã bị thu hồi.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cháu Trịnh Quốc Th có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thu P về việc buộc ông Trịnh Minh T1 thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Trịnh Quốc Th theo hợp đồng tặng cho được công chứng ngày 26/9/2015 và văn bản thỏa thuận được công chứng ngày 02/10/2015.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Trịnh Minh T1 về việc gửi tiết kiệm số tiền: 257.710.800đồng. Ông T1 có nghĩa vụ giao lại số tiền đã gửi tiết kiệm là 257.710.800đồng và lãi suất (nếu có) cho cháu Trịnh Minh Th1 sinh ngày 06/8/2008 khi cháu Th1 đủ 18 tuổi.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu P (*người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cháu Trịnh Minh Th1*) phải chịu 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000đồng theo biên lai thu số 0007309 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Bà P được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp sau khi khấu trừ là 600.000đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu P (*người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Trịnh Minh Th1*) phải chịu 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0011573 ngày 30/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang Th1 án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 11/7/2022.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H.Châu Th1 A, Hậu Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Th1 A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Quốc Tuấn**